



DOI:10.22144/ctu.jvn.2018.059

TIẾP CẬN “TRUYỀN KÌ MẠN LỤC” CỦA NGUYỄN DŨ TỪ QUAN NIỆM VỀ VÔ THỨC CÁ NHÂN CỦA SIGMUND FREUD

Hoàng Thị Thùy Dương*

Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Thủ Dầu Một

*Người chịu trách nhiệm về bài viết: Hoàng Thị Thùy Dương (email: thuyduong2904@gmail.com)

Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 03/09/2017

Ngày nhận bài sửa: 20/10/2017

Ngày duyệt đăng: 28/04/2018

Title:

“Truyen Ki Man Luc” by
Nguyen Du from Sigmund
Freud’s theory of personal
unconsciousness

Từ khóa:

Nguyễn Dữ, Sigmund Freud,
Truyện kì mạn lục

Keywords:

Nguyen Du, Sigmund Freud,
Truyen ki man luc

ABSTRACT

“Truyen ki man luc” is the culminant work of the genre “truyen ki” in Vietnamese literature. If this work is shone by Sigmund Freud’s theory of personal unconsciousness, many more diverse perspectives of this literary work will reveal. “Truyen ki man luc” expresses the dream of people, especially sexual instinct. “Truyen ki man luc” also shows the life instinct and the death instinct. “Truyen ki man luc”, which depicts the personal unconsciousness, reveals human’s psychological depth, contains humanistic values and raises the sympathy from readers.

TÓM TẮT

“Truyện kì mạn lục” là tác phẩm đỉnh cao của thể loại truyện kì trong văn học Việt Nam. Nếu dùng quan niệm về vô thức cá nhân của Sigmund Freud soi chiếu vào tác phẩm này, chúng ta sẽ thấy giá trị của tác phẩm hiện lên với nhiều chiều kích khác nhau. “Truyện kì mạn lục” thể hiện ước mơ của con người, đặc biệt là bản năng tình dục. “Truyện kì mạn lục” còn thể hiện bản năng sống, chết của con người. “Truyện kì mạn lục” đã miêu tả vô thức cá nhân, bộc lộ chiều sâu tâm lí của con người, mang ý nghĩa nhân văn cao cả, tạo được sự đồng cảm của độc giả.

Trích dẫn: Hoàng Thị Thùy Dương, 2018. Tiếp cận “Truyện kì mạn lục” của Nguyễn Dữ từ quan niệm về vô thức cá nhân của Sigmund Freud. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 54(3C): 216-222.

1 QUAN NIỆM VỀ VÔ THỨC CÁ NHÂN CỦA SIGMUND FREUD VÀ TÁC PHẨM “TRUYỀN KÌ MẠN LỤC” CỦA NGUYỄN DŨ

1.1 Vô thức cá nhân và tác phẩm văn học theo quan niệm của Sigmund Freud

Lịch sử nghiên cứu văn học đã có sự tồn tại của các hệ hình nghiên cứu văn học tiêu biểu: hệ hình triết mĩ, xã hội học, tâm lí, kí hiệu, hậu hiện đại, văn hóa học... Trong đó, hệ hình tâm lí học là một trong những hệ hình được sử dụng nhiều nhất hiện nay. Tác phẩm văn học là sản phẩm của nhu cầu biểu đạt cảm xúc, tình cảm và năng lực tâm lí của con người như sự sáng tạo, trí nhớ, tưởng tượng... Trong khi các hệ hình khác chỉ nghiên cứu văn học ở tâm vĩ mô, bên ngoài thì hệ hình tâm lí học định hướng

nghiên cứu tác phẩm văn học bằng cách đi sâu vào thế giới tâm lí con người. Hệ hình này không chỉ hữu ích đối với việc nghiên cứu các tác phẩm hiện đại mà còn phát huy tác dụng khi nghiên cứu các tác phẩm cổ, trung đại.

Hệ hình tâm lí học phát triển vào thế kỉ XX. Điều này được đánh dấu bằng những công bố của nhà tâm lí học Sigmund Freud (1856 – 1939) – một bác sĩ người Áo. Từ những quan sát lâm sàng về bệnh thần kinh, Freud đã khái quát một lí thuyết về tinh thần con người. Ông cho rằng tâm thức con người gồm vô thức, tiềm thức, hữu thức. Về sau, Freud nói tới ba ngôi: cái tôi (bản ngã), cái siêu tôi (siêu ngã) và cái nó (cái ấy) trong mô hình bộ máy tâm thức của con người. Ông gọi sáng tạo nghệ thuật là giấc mơ

ban ngày, thỏa mãn những gì vô thức cá nhân của con người mong muốn nhưng chưa được đáp ứng trong cuộc đời thực. Tác phẩm văn học cũng thể hiện những bản năng sâu kín nhất của mỗi con người bao gồm cả bản năng sống và bản năng chết.

1.1.1 Tác phẩm văn học thể hiện ước mơ

Các nhà tâm lý học trước Sigmund Freud cho rằng tinh thần của con người chỉ là một thể giới duy nhất. Sigmund Freud cho rằng thể giới tinh thần của con người rất phức tạp, gồm ý thức, tiềm thức, vô thức. Trong đó, vô thức giống như phần chìm của tảng băng trôi, chiếm 9/10 tâm thần con người. Vô thức là tất cả những gì thuộc về bản năng của con người, trong đó dục vọng là cốt lõi. Những dục vọng này luôn muốn hướng ra bên ngoài để được thể hiện, được thỏa mãn. Ý thức là phần tinh thần liên hệ trực tiếp ra bên ngoài. Tiềm thức là phần tinh thần ra đi từ vô thức nhưng chưa đến được với ý thức. Tiềm thức luôn ở trạng thái kim hãm, không cho phần vô thức trỗi dậy. Về sau, Freud đã mô hình hóa cấu trúc nhân cách của con người, bao gồm cái siêu tôi, cái tôi, cái nó. Trong đó, cái nó hoàn toàn thuộc về tầng sâu vô thức của con người. Cái tôi (bản ngã) là cá tính tâm lý của mỗi cá nhân, là kết quả của sự kiểm soát, kìm nén cái nó. Cái tôi chủ yếu là ý thức và ý chí của cá nhân. Cái siêu tôi (siêu ngã) là sự học hỏi của mỗi cá nhân về tiêu chuẩn đạo đức của xã hội. Cái siêu tôi giúp con người xác định hành vi nào là đúng, là sai. Nó khiến con người cảm thấy tội lỗi khi có hành vi đi ngược lại với đạo đức của xã hội. Như vậy, theo Freud, các yếu tố vô thức của cá nhân luôn bị các tiêu chuẩn đạo đức ức chế “Khi đứng trên quan điểm hạn chế của đạo đức, ta có thể nói: cái nó là hoàn toàn phi đạo đức, cái tôi cố gắng đạo đức, cái siêu tôi có thể trở thành siêu đạo đức” (Freud, 2017), “cái đạo đức thông thường, bình thường đã mang màu sắc của một bộ luật chứa đầy những hạn chế, nghiêm khắc và cấm đoán ngặt nghèo” (Freud, 2017). Vô thức sẽ không dễ dàng uốn mình theo những bó buộc của cuộc sống thực tế. Vô thức sẽ tìm cách bộc lộ bằng nhiều biểu hiện khác nhau thông qua cái tôi “Năm giữa cái nó và thể giới bên ngoài, cái tôi tìm cách dung hoà chúng, bằng cách làm cho cái nó có thể thích nghi được với thể giới và thích ứng thể giới với những yêu sách của cái nó nhờ các hoạt động cơ bắp của chính mình” (Freud, 2017). Một trong những con đường thể hiện vô thức tiêu biểu là giấc mơ và tác phẩm nghệ thuật của nghệ sĩ.

Sigmund Freud đã đưa ra quan điểm tác phẩm văn học như là một giấc mơ giúp nhà văn thỏa mãn những ước muốn bản năng của mình “Chúng ta có thể khẳng định rằng một người hạnh phúc không bao giờ huyền tưởng, chỉ có người không được thỏa mãn mới làm vậy” (Storr, 2016). Sigmund Freud cho

rằng nhà văn là người “quay mặt khỏi thực tại, chuyển mọi quan tâm cũng như dục năng của mình vào ước muốn tạo lập một đời sống huyền tưởng” (Storr, 2016). Đặc biệt, việc sáng tạo văn học giống như là trạng thái thăng hoa của sự dồn nén tính dục mà “mặc cảm Oedipus” là huyền thoại minh họa cho quan niệm này.

Oedipus là một vị anh hùng có số phận bi thảm trong thần thoại Hi Lạp. Một cách vô tình, Oedipus đã thực hiện đúng như lời tiên tri dành cho mình rằng sẽ giết chết cha và kết hôn với mẹ. Khi phát hiện ra sự thật, ông đã tự trừng phạt bằng cách khoét mắt của mình và bỏ ngôi vua đi biệt tích. Hành vi của Oedipus được Freud lí giải như những sự kiện lịch sử, văn hóa, xã hội. Từ sự cấm đoán loạn luân, bày người nguyên thủy đã trở thành thị tộc. Từ đó, các chuẩn mực đạo đức ra đời cấm đoán con người trở về cuộc sống như trước kia. Truyện “Oedipus” cùng với nhiều huyền thoại khác nói về mối xung đột cha – con. Những xung đột này chỉ nhằm mục đích giành quyền quan hệ tính dục với mẹ. Các nhà nghiên cứu theo trường phái Freud cho rằng “Truyện cổ tích ra đời cùng với việc điều chỉnh các quan hệ gia đình, đồng thời cho nên vì quyền lợi của người cha, nó đã che đậy mặc cảm dục tính công khai lúc ban đầu” (Melentinsky, 2004). Vì thế truyện cổ tích kể rất nhiều về nhân vật con trai cứu cha, mẹ ghẻ hành hạ con chồng để cố gắng xoá tan “mặc cảm Oedipus”.

Sigmund Freud cho rằng năng lực tình dục (dục tính) là một trong những sức mạnh bản năng của con người. Nếu như dục tính bị ức chế, nghệ thuật và giấc mơ sẽ nói hộ như một sự bù đắp. Mặc dù quá đề cao vai trò của tính dục và sự dồn nén bản năng tính dục nhưng lí thuyết của ông rất hữu ích đối với việc nghiên cứu nhiều tác phẩm văn học. Suốt thời kì trung đại, tình yêu đôi lứa bị cấm đoán khắt khe. Các nhà văn khi viết về đề tài này phải làm nhiều cách để bảo vệ nhân vật, tác phẩm và chính bản thân mình thoát khỏi sự trừng phạt khắc nghiệt của lễ giáo phong kiến. “Truyện kì mạn lục” cần được tiếp cận từ lí thuyết của Freud để bộc lộ rõ hơn thái độ của tác giả đối với tình yêu đôi lứa - một trong những tình cảm thiêng liêng của con người.

1.1.2 Tác phẩm văn học thể hiện bản năng sống và bản năng chết

Theo Sigmund Freud, vô thức cá nhân có nhiều năng lực hướng tới cuộc sống nói chung. Nó bao gồm cả bản năng sống và bản năng chết. Bản năng sống là những năng lực thúc đẩy chúng ta muốn sống. Sigmund Freud cho rằng bản năng sống gồm hai nhóm “những bản năng duy trì cái tôi, đi liền với bản ngã; và những bản năng tính dục, đi liền với đối tượng” (Storr, 2016). Nó biểu hiện thành những nhu

cầu được sống, ăn, ở, yêu thương, chinh phục và chiếm hữu đối tượng khác, muốn khẳng định mình... Nó làm cho con người luôn luôn phải đấu tranh để chinh phục bản thân mình và thực tế khách quan để thỏa mãn. Nó làm cho con người rơi vào trạng thái lo âu, đau khổ vì không bao giờ thỏa mãn hết các nhu cầu của bản thân.

Trong bản năng sống, Sigmund Freud cho rằng bản năng tính dục (Eros) là tiêu biểu nhất. Mục đích của Eros là “làm phức tạp hoá cuộc sống và một cách tự nhiên, duy trì và bảo tồn sự sống, bằng cách tích hợp thực thể sống bị chia tách” (Freud, 2017). Để đi đến kết luận trên, Freud đã nghiên cứu các tế bào chủng hệ và nhận ra các tế bào chủng hệ phải kết hợp với nhau để kéo dài sự sống cho nó. Như vậy, xung năng tính dục là thành phần chính của bản năng sống. Sigmund Freud không đồng ý với Darwin khi Darwin xem sinh sản chỉ là một trong những biểu hiện của sự tăng trưởng. Freud cho rằng xung năng tính dục chống lại cái chết “xung năng tính dục đã trở thành cái Eros, một cái Eros tìm cách kết nối các phần của vật chất sống và duy trì sự gắn kết” (Freud, 2017). Ông cũng dựa trên kết quả nghiên cứu của E. Hering vì nhà nghiên cứu E. Hering từng cho rằng có hai nhóm quá trình đối lập nhau sẽ diễn ra trong vật chất sống: quá trình xây dựng (đồng hoá) và quá trình phá huỷ (dị hoá).

Bản năng chết hoàn toàn trái ngược với bản năng sống. Theo Sigmund Freud, “bản năng chết có chức năng đưa tất cả những gì ở trạng thái sống động trở về trạng thái bất động” (Freud, 2017). Bản năng chết là những năng lực thúc đẩy chúng ta chết để khỏi đau khổ, để có thể trở về giai đoạn vô thức, yên ấm của bào thai. Bản năng chết còn biểu hiện ra ngoài ở dạng gây hấn, phá vỡ những gắn kết, hủy hoại sự vật “bản năng chết được biểu hiện (ít nhất là một phần) dưới dạng một xu hướng, được chỉ huy nhằm chống lại thế giới và các sự vật khác” (Freud, 2017). Bản năng chết thể hiện thành những nhu cầu như buông xuôi, thích chiến tranh, muốn tiêu diệt sự sống... Nhìn chung, xung năng chết luôn tồn tại trong mỗi con người nhưng tỉ lệ của nó là khác nhau ở mỗi thời điểm trong cuộc đời con người.

Như vậy, bản năng sống và bản năng chết có mối quan hệ mật thiết với nhau. Khi chúng ta quá lo âu, thất vọng, thất bại trong cuộc đấu tranh với thực tế khách quan để thỏa mãn nhu cầu của mình thì một số người sẽ nảy sinh cảm giác sợ tranh đấu, sợ cuộc sống. Khi đó, bản năng chết đã xuất hiện. Vì bản năng sống và bản năng chết thuộc về vô thức cá nhân, lại có thể chuyển hóa cho nhau nên thế giới tinh thần của con người rất phức tạp, khó hiểu. Con người vừa yêu vừa hận, rộng lượng và ích kỉ, thích mạo hiểm nhưng cũng thích an toàn... Nhìn chung,

sự sống chứa đựng cả khát khao được sống lẫn sự vắng gọi của cái chết.

Mặc dù cái chết là kì hạn không thể tránh khỏi của cuộc đời con người nhưng sự thật là sự sống vẫn nối tiếp nhau, bất chấp bản năng chết. Đó là nhờ sức mạnh kháng cự của bản năng sống trong mỗi con người. Vì thế, sự sống giống như một cuộc chiến đấu hoặc là sự thỏa hiệp của hai khuynh hướng này. Bản năng sống và bản năng chết được hoà trộn với một tỉ lệ liên tục thay đổi trong suốt cuộc đời con người.

Tác phẩm văn học do con người viết ra, lại có nội dung nói về cả cuộc đời nhân vật hay một lát cắt của sự sống nên không ít thì nhiều đều thể hiện bản năng sống và bản năng chết. Quan niệm về bản năng sống và bản năng chết có thể dùng để phân tích tác phẩm văn học.

1.2 Tác phẩm “Truyện kì mạn lục” của Nguyễn Dữ

Theo “Tổng tập tiểu thuyết chữ Hán Việt Nam”, thể loại truyện kì thể hiện tập trung trong các tác phẩm “Thánh Tông di thảo”, “Truyện kì mạn lục”, “Truyện kì tân phả”, “Cổ quái bốc sư truyện”, “Tân truyện kì lục”, “Truyện kì trích lục”, “Vân Cát thần nữ cổ lục”, “Vân nang tiểu sử”... và rải rác ở nhiều tác phẩm khác. Trong đó, tác phẩm “Truyện kì mạn lục” của Nguyễn Dữ (Nguyễn Dư) là đỉnh cao của truyện kì Việt Nam. Nhiều nhà nghiên cứu đã khẳng định “Truyện kì mạn lục được xem là quyển truyện kì đầu tiên trong văn học viết của ta và cũng là quyển hay nhất so với những quyển cùng loại được viết sau này...” (Lê Trí Viễn, 2002).

“Truyện kì mạn lục” của Nguyễn Dữ (không rõ năm sinh, năm mất) là quyển sách ghi chép lại những truyện kì lạ lưu truyền trong dân gian. Nó gồm 20 truyện viết bằng văn xuôi (chữ Hán), trong đó có xen lẫn văn biền ngẫu và thơ ca. Thời gian trong các truyện thường là đời Lí, Trần Hồ, Lê sơ. Theo nhà nghiên cứu Trần Đình Sử, “cái gọi là truyện kì, chủ yếu là truyền cái kì trong tình yêu nam nữ và cái kì trong thế giới thần linh ma quỷ” (Trần Đình Sử, 2005). Quả thật, qua lớp màn dày đặc các yếu tố huyền ảo, “Truyện kì mạn lục” đề cập nhiều đến tình yêu đôi lứa và phản ánh khát vọng hạnh phúc của con người cá nhân. Bên cạnh đó, tác phẩm này phê phán những tệ trạng trong xã hội phong kiến đang suy thoái, thể hiện tinh thần dân tộc mạnh mẽ. Đồng thời, tác phẩm cũng ẩn chứa sự rạn nứt của ý thức hệ phong kiến trong lòng tác giả. Về nghệ thuật, “Truyện kì mạn lục” thể hiện sự tiến bộ trong kĩ thuật viết. Trong khi thể loại chí quái lập hồ sơ về cuộc đời nhân vật thì truyện kì có thể kể về cả cuộc đời hay một đoạn đời, một sự kiện, chốc lát trong cuộc sống nhân vật. Bút pháp của Nguyễn Dữ trong “Truyện kì mạn lục” rất đa dạng, có lúc kịch tính

nhưng cũng có khi đan xen những bài thơ đượm chất trữ tình. Tác phẩm sử dụng nhiều yếu tố huyền ảo không chỉ vì mục đích nghệ thuật mà còn thâm đằm tư duy huyền thoại của con người trung đại.

Một tác phẩm văn học có giá trị luôn đòi hỏi sự tìm hiểu dưới nhiều góc độ để nó luôn bộc lộ những ý nghĩa mới mẻ. Thử định hướng nghiên cứu “Truyện kì mạn lục” từ lí thuyết của hệ hình tâm lí học sẽ thấy cái hay của tác phẩm hiện lên với nhiều chiều kích khác nhau. Hệ hình tâm lí học văn học sẽ định hướng nghiên cứu bên trong tác phẩm văn học; đi sâu vào thế giới tâm tư, tình cảm của con người.

2 TIẾP CẬN “TRUYỀN KÌ MẠN LỤC” TỪ QUAN NIỆM VỀ VÔ THỨC CÁ NHÂN CỦA SIGMUND FREUD

2.1 “Truyện kì mạn lục” thể hiện những ước muốn táo bạo, mãnh liệt

Sigmund Freud đã đưa ra quan điểm tác phẩm văn học như một giấc mơ giúp nhà văn thỏa mãn những ước muốn bản năng của mình. Đặc biệt, việc sáng tạo văn học giống như là trạng thái thăng hoa của những sự dồn nén tính dục (mặc cảm Oedipus) do không được thỏa mãn trong thực tế.

Xã hội phong kiến Việt Nam xem tư tưởng Nho giáo là tư tưởng chính thống. Nho giáo đã có nhiều quy định, quan niệm khắt khe đối với tình yêu lứa đôi và người phụ nữ. Đối với tình yêu lứa đôi, Nho giáo phủ nhận tất cả, thậm chí phê phán tình yêu trước hôn nhân. Hôn nhân chuẩn mực là kết quả sắp đặt của gia đình hai bên và thường là “môn đăng hộ đối” tức là sự tương xứng về nhà cửa, gia thế. Vì “Văn dĩ tải đạo”, “Thi dĩ ngôn chí” nên tình yêu lứa đôi là một trong những đề tài không được coi trọng của văn chương. Tính dục là đề tài bị cấm kỵ. Bên cạnh đó, Nho giáo còn đối xử với người phụ nữ gay gắt, nghiệt ngã hơn nữa với quan niệm “trọng nam khinh nữ”. Người phụ nữ sinh ra đã bị coi thường “Nhất nam viết hữu thập nữ viết vô”, “Nam tôn nữ ti”. Người con trai được học hành để thi cử, tiến thân bằng con đường quan lộ nhưng người phụ nữ thì chỉ “tề gia nội trợ”, nâng khăn sửa túi cho chồng... Trong gia đình, Nho giáo quy định sự phụ thuộc của người phụ nữ “Tại gia tòng phụ, xuất giá tòng phu, phu tử tòng tử”, “phu xướng phụ tùy”, “Trai nắm thế bầy thiếp, gái chính chuyện chỉ một chồng”... Nhìn chung, Nho giáo đã có thái độ tiêu cực với tình yêu lứa đôi – một trong những tình cảm thiêng liêng nhất của loài người. Xã hội phong kiến cũng đã đối xử bất bình đẳng, không đánh giá đúng vai trò, khả năng, phẩm chất của người phụ nữ.

“Truyện kì mạn lục” thể hiện nhiều nội dung tư tưởng khác nhau như phê phán những tệ trạng trong xã hội phong kiến đang suy thoái, thể hiện tinh thần

dân tộc mạnh mẽ, bênh vực cho tình yêu lứa đôi, đề cao thái độ lánh đục về trong. Trong đó, mười truyện trên tổng số hai mươi truyện của “Truyện kì mạn lục” tập trung viết về tình yêu lứa đôi rất táo bạo, phóng túng. Bên cạnh đó, “Truyện kì mạn lục” còn có một số truyện khác đề cập đến quan hệ gia đình trong đó người phụ nữ giữ vai trò quan trọng.

“Truyện kì mạn lục” có nhiều truyện viết về tình yêu từ buổi đầu gặp mặt, viết về sự rung động của hai người khác phái, bất chấp “môn đăng hộ đối”, bất chấp là người, tiên hay ma quỷ. Trong “Chuyện người nghĩa phụ ở Khoái Châu”, Trọng Quỳnh, Nhị Khanh tha thiết yêu nhau dù kẻ giàu người nghèo và chưa cưới hỏi. Trong “Chuyện cây gạo”, Trinh Trung Ngô trên đường đi liếc thấy một nàng ma tuyệt sắc thì xao động tâm hồn, người đẹp cũng đáp lại tình yêu của chàng. Trong “Chuyện kì ngộ ở trại Tây”, Liễu Nương và Đào Nương là tinh hoa, thấy Hà Nhân đi qua liền cười đùa, hái quả ngon, bẻ bông đẹp ném trêu chàng thư sinh khiến chàng không thể làm lơ... Như vậy, “Truyện kì mạn lục” xem tình yêu lứa đôi là thứ tình cảm bản năng của mỗi con người. Nhiều nhân vật ảo như ma quỷ, tinh hoa, tiên cũng xen lẫn vào thế giới của con người để kiểm tìm tình yêu lứa đôi. Các nhân vật ảo này thường hiện ra trong lót của những người con gái xinh đẹp, tươi trẻ, lúc nào cũng tràn đầy sinh lực, khát khao yêu đương, chủ động đi tìm người đàn ông của cuộc đời mình. Nhưng tại sao nhà văn phải chọn các nhân vật ảo, lại thường là nữ giữ vai trò chủ động trong tình yêu chứ không phải các nhân vật thực? Tình yêu lứa đôi là tình cảm tự nhiên, thiêng liêng của con người nhưng xưa nay luôn bị lễ giáo phong kiến cấm đoán, coi thường. Đặc biệt, những người con gái trong xã hội phong kiến thường không được đi tìm kiếm tình yêu của riêng mình, phải chờ đợi cuộc hôn nhân môn đăng hộ đối do người khác sắp xếp nếu không muốn bị trừng phạt. “Truyện kì mạn lục” đã để các nhân vật ảo đi tìm kiếm tình yêu tự do, mãnh liệt để thoát khỏi sự lên án khắt khe của lễ giáo đối với tình yêu, với các nhân vật nữ và cả tác phẩm, tác giả.

Đặc biệt, tất cả các câu chuyện viết về tình yêu trong “Truyện kì mạn lục” đều để cho các nhân vật chính đắm chìm trong ân ái, hoan lạc. Các chàng trai khi gặp các cô gái xinh đẹp liền quên phắt nguồn gốc quái dị của các nàng. “Truyện kì mạn lục” có rất nhiều những cụm từ “bèn cùng nhau giao hoan”, “bèn dất nhau lên giường”, “ân ái mười phần thỏa nguyện”... Các chàng thư sinh, các cô gái xinh đẹp rất giỏi thơ phú thường xuyên làm thơ tả cảnh hoan lạc như trong “Chuyện cây gạo”, “Chuyện kì ngộ ở trại Tây”... Nàng Nhị Khanh trong “Chuyện cây gạo” đã làm thơ rằng:

“Giác xuân mê mệet chốn hoang liêu

Bồng sượng sùng thay cuộc áp yêu
Mãng ngọc vuốt ve nghiêng xuyên trạm

Dài là còi tháo trút hài thù..." (Trần Nghĩa, 1997)

Thậm chí nơi tiên cảnh, Giáng Hương vẫn lấy Từ Thức làm chồng và chàng nói rằng "Thì ra tất cả các cõi trời đều có chuyện phối ngẫu cả. Cho nên ả Chức Nữ lấy chàng Ngưu Lang, nàng Thượng Nguyên tìm chàng Phong Trắc, Tăng Nhụ có bài kí Chu Tân, Quân Ngọc có bài thơ Hoàng Lăng. Cảnh khác nhưng tình cũng giống nhau, nghìn xưa vẫn như thế cả. Nay quần tiên ai về chỗ nấy, sống trong cảnh quanh quẽ vô liêu, đó là vì lòng vật dục không nảy sinh, hay cũng có nhưng phải gượng đè nén?" (Trần Nghĩa, 1997). "Truyện kì mạn lục" có những tình yêu trái với đạo lí. "Chuyện yêu quái ở Xương Giang" kể về Thị Nghi tư thông với phú thương họ Phạm, bị người ta đánh, đến chết rồi còn làm ma hại chàng trai họ Hoàng suýt mất mạng. "Chuyện nàng Túy Tiêu", "Chuyện đôi tưng ở Long cung" kể về tên quan Trụ Quốc họ Thân và yêu quái thường luông bắt cóc vợ người khác về làm vợ mình. Tác giả đã có thái độ phê phán đối với các cuộc tình bất nghĩa. Điều này thể hiện rõ nhất trong lời bình cuối tác phẩm bộc lộ ý nghĩa răn đe đối với những kẻ chỉ biết thỏa mãn tình riêng mà hại người khác. Tác phẩm "Chuyện đôi tưng ở Long cung" có lời bình phê phán thân Thường luông rằng "Than ôi, chóng được ách lớn thì thờ, cần được nạn lớn thì thờ, đó là phép cúng tế. Hưởng sự cúng tế ấy thì phải cố danh tư nghĩa, đâu có lẽ nhận sự thờ cúng lại còn gây họa cho người" (Trần Nghĩa, 1997).

Cuối mỗi truyện trong "Truyện kì mạn lục", nhà văn Nguyễn Dữ luôn dùng những lời bình khắt khe, khuyên con người lấy hôn nhân và cái tình làm trọng. Tuy nhiên, tác phẩm này lại dành nhiều trang viết thể hiện quan hệ tình ái vô cùng táo bạo, phóng túng; xem tình dục là điều không thể thiếu của một tình yêu tự do, tự nguyện. Cho đến tận ngày hôm nay, nhiều người vẫn sửng sốt trước tình yêu táo bạo trong truyện kì dù tác giả đã phủ một lớp màn che cho tác phẩm bằng cách sử dụng các nhân vật ảo, bằng những lời bình răn đe. Từ góc nhìn tâm lí học của Freud, "Truyện kì mạn lục" đã thể hiện ẩn ức dục tính vốn bị dồn nén, cấm kỵ trong xã hội phong kiến. Đó cũng là một trong những lí do giúp các truyện truyện kì được dân chúng đón nhận nồng nhiệt dù nó bị Nho giáo xem thường.

2.2 "Truyện kì mạn lục" thể hiện bản năng sống và bản năng chết

"Truyện kì mạn lục" thể hiện bản năng sống vô cùng mạnh mẽ. Bản năng sống không chỉ thể hiện ở con người mà còn có ở lực lượng siêu nhiên. Vì lực

lượng siêu nhiên đã được gán cho tất cả các đặc tính của con người nghĩa là đã được nhân cách hóa.

Bản năng sống thể hiện đơn giản ở nhu cầu được ăn, được uống để duy trì sự sống. Không chỉ con người mới chậ vật vì miếng ăn như Trọng Quý mất vợ, vay quanh xóm, đến nhờ và anh bạn làm ăn xa để kiếm bữa cơm cho mình ("Chuyện người nghĩa phụ ở Khoái Châu"). Trong "Chuyện cái chùa hoang ở Đông Triều", tượng Hộ pháp trong chùa, tượng Thủy thần trong miếu cũng đi bắt trộm cá, gà, lợn, ngỗng; tước mía, hái trộm hoa quả... của dân vì không thỏa mãn với những thức ăn được cúng tế hằng ngày. Bản năng sống còn thể hiện ở sự đòi hỏi phải thỏa mãn những nhu cầu khác của con người. Nhiều nhân vật trong "Truyện kì mạn lục" rất giỏi hùng biện (trong "Câu chuyện ở đền Hạng Vương", "Chuyện chức phán sự đền Tản Viên", "Câu chuyện đối đáp của người tiều phu núi Nưa", "Chuyện bữa tiệc đêm ở Đà Giang"). Trong "Chuyện chức Phán sự đền Tản Viên", Ngô Tử Văn châm lửa đốt đền tà. Khi bị kiện ở Âm phủ, chàng không hề sợ hãi, khẳng khái vạch tội tên tướng giặc phương Bắc vì tên giặc bại trận này đã cướp đền của Thổ công lại còn những nhiều nhân dân. Ở "Câu chuyện đối đáp của người tiều phu núi Nưa", người tiều phu tranh luận với Hán Thương, khẳng khái tố cáo những việc làm sai trái của vua quan lúc bấy giờ. Hai người đàn ông trong "Chuyện bữa tiệc đêm ở Đà Giang" khuyên can vua quan nên lo những việc lớn ích nước lợi nhà, đừng mãi vui thú với chuyện săn bắn "... Có sao bỏ những việc ấy không làm, lại đi lẩn quẩn ở công việc săn bắn, dù được chim muông như núi, chúng tôi cũng lấy làm không phục" (Trần Nghĩa, 1997). Các nhân vật đã rất khẳng khái tranh luận để bảo vệ ý kiến của mình, bảo vệ lẽ phải. Đó là biểu hiện của nhu cầu muốn khẳng định mình của bản năng sống. "Truyện kì mạn lục" có nhiều nhân vật là thư sinh thường ôm giấc mộng công danh. Trong "Chuyện Phạm Tử Hư lên chơi thiên đảo", Phạm Tử Hư ôm giấc mộng công danh bằng con đường đèn sách. Trong "Chuyện người con gái Nam Xương", Trương Sinh ra chiến trường để lập công danh. Sở dĩ giấc mộng công danh luôn thôi thúc con người vì công danh luôn mang lại cơm, áo, gạo, tiền để con người sống sung sướng hơn. Nhìn chung, xã hội phong kiến luôn khuyến khích nam nhi phấn đấu cho giấc mộng công danh.

Trái ngược với việc đề cao giấc mộng công danh, lễ giáo phong kiến luôn phê phán, cấm đoán giấc mộng tình yêu đôi lứa của con người. Vì bị cấm đoán, tình cảm ấy được các nhà văn giải tỏa bằng con đường văn chương. Sigmund Freud cũng ủng hộ sự thể hiện tình yêu trong văn chương khi cho rằng "cái libido của xung năng tính dục của chúng ta tương ứng với Eros của các nhà thơ và nhà triết học, một cái Eros đảm bảo cho sự gắn kết tất cả những gì

đang sống” (Freud, 2016). Một nửa số truyện của “Truyện kì mạn lục” trực tiếp viết về tình yêu đôi lứa và vô số con đường để con người thỏa mãn giấc mộng yêu đương trong cuộc đời mình. Khi chưa đối mặt với những oan trái cuộc đời, nhiều nhân vật đã có những tình yêu tự tìm thấy nhau vô cùng hạnh phúc như Trọng Quỳnh, Nhị Khanh (“Chuyện người nghĩa phụ ở Khoái Châu”); Phật Sinh, Lệ Nương (“Chuyện Lệ Nương”); thái thú họ Trịnh, Dương Thị (“Chuyện đôi tưng ở Long cung”)... Xung năng tính dục không chỉ có vai trò kết nối con người mà còn đại diện cho hiện thân của mong muốn sống. Các nhân vật kì ảo cũng mượn hình dáng con người, trà trộn vào cõi trần để tìm kiếm tình yêu như hồn ma Thị Nghi (“Chuyện yêu quái ở Xương Giang”), tinh hoa đào và liễu (“Chuyện kì ngộ ở trại Tây”)... “Truyện kì mạn lục” cũng miêu tả những tình yêu quá táo bạo, phóng túng đến tàn nhẫn (“Chuyện cây gạo”), tình yêu trái đạo của kẻ tu hành (“Chuyện nghiệp oan của Đào Thị”). Vì quá đề cao tình yêu, nhiều nhân vật không kiểm soát được tình cảm của mình, làm ảnh hưởng đến người mình yêu và còn hại người khác. Đó là tình yêu đầy chiếm hữu và ích kỉ. Trong “Chuyện người con gái Nam Xương”, Trương Sinh yêu vợ nhưng vô cùng ghen tuông. Chính sự ghen tuông phi lí của chàng đã khiến Vũ Nương phải chết thảm. Trong “Chuyện nàng Túy Tiêu”, Trụ Quốc họ Thân vì si mê Túy Tiêu, đã bắt cóc nàng về làm vợ trong khi nàng đã có chồng. Thân rắn cũng bắt cóc vợ Thái thú họ Trịnh về Long cung khiến vợ chồng họ Trịnh li tán, oán hận. Đặc biệt, “Truyện kì mạn lục” miêu tả tình yêu của những nàng ma sẵn sàng vì yêu mà hại người khác vì khi sống chưa thỏa giấc mộng yêu đương như nàng ma Thị Nghi hại người yêu suýt mất mạng (“Chuyện yêu quái ở Xương Giang”)... Nhìn chung, tác phẩm viết rất nhiều về tình yêu để bênh vực, để khẳng định tình yêu ở trần gian là hạnh phúc. Các nhân vật kì ảo cũng phải trà trộn vào dương gian để tìm kiếm tình yêu của cuộc đời mình. Nhà văn Nguyễn Dữ cũng kịch liệt lên án những mối tình quá táo bạo, phóng túng; ích kỉ, hại nhân; không phù hợp với đạo lí. Tuy nhiên, dù có cách thể hiện tích cực hay tiêu cực thì nhu cầu yêu và được yêu cũng là một trong những thứ tình cảm bản năng của con người. Nó cùng với những nhu cầu khác đã hình thành nên bản năng sống rất mạnh mẽ của con người trong “Truyện kì mạn lục”.

“Truyện kì mạn lục” còn thể hiện bản năng chết của con người. Bản năng này chủ yếu thể hiện ở thái độ buông xuôi, thậm chí là chấm dứt sự sống một cách chủ quan hoặc khách quan. “Truyện kì mạn lục” miêu tả cuộc sống của nhiều ẩn sĩ tìm về cõi hư vô để khỏi phải chiến đấu với cuộc đời đầy phức tạp, khốn khó. Chàng Từ Thức than thở “Ta không thể vì số lượng năm đầu gạo đó mà buộc mình trong

đám lợi danh. Ấu là một mái chèo vè, nước biếc non xanh vốn chẳng phụ gì ta đâu vậy” (Trần Nghĩa, 1997). Chàng cời trả ẩn tín, bỏ quan mà về, làm nhà trong hang động mà ở (“Chuyện Từ Thức lấy vợ tiên”). Người tiêu phu trong “Câu chuyện đôi đáp của người tiêu phu núi Nưa”, hai người đàn ông trong “Chuyện bữa tiệc đêm ở Đà Giang” cũng là những hình tượng nhân vật muốn ở trong cõi tĩnh mịch, hư vô. Bên cạnh những tư tưởng Nho giáo nhà văn Nguyễn Dữ còn chịu ảnh hưởng của Phật giáo. Một số tác phẩm trong “Truyện kì mạn lục” đề cao tư tưởng Phật giáo, đề cao những con người xa lánh bụi trần, khuyến con người sống im lìm, nhẫn nại, diệt dục (“Chuyện nghiệp oan của Đào Thị”, “Chuyện cây gạo”).

“Truyện kì mạn lục” miêu tả năng lực chết của con người thể hiện mạnh mẽ nhất ở hành động chết. Chết là điểm dừng cuối cùng trong hành trình của con người “sinh, lão, bệnh, tử” nhưng cũng có khi cái chết diễn ra rất oan trái do những lí do khách quan. Trong “Chuyện người con gái Nam Xương”, mẹ của Trương Sinh mất vì tuổi già sức yếu. Trong “Chuyện nghiệp oan của Đào Thị”, Hàn Than chết vì biến chứng lúc sinh nở. Nàng Thị Nghi bị đánh chết vì tư thông với phú thương nhà họ Phạm (“Chuyện yêu quái ở Xương Giang”)... Tuy nhiên, “Truyện kì mạn lục” đặc biệt chú ý đến những cái chết do ý muốn chủ quan của con người. Mỗi khi đau khổ, thất vọng; con người thường nghĩ đến cái chết, muốn chấm dứt sự sống để không còn khổ đau. Trong “Chuyện người con gái Nam Xương”, nàng Vũ Nương bị chồng nghi oan, nàng đã nhảy xuống sông Hoàng Giang tự vẫn. Trong “Chuyện Lệ Nương”, nàng Lệ Nương bị sa vào tay giặc phương Bắc, nàng muốn “Chẳng thà chết rấp ở ngòi lạch, gần gũi quê hương, còn hơn là sang làm những cái cô hồn ở bên đất Bắc” (Trần Nghĩa, 1997). Nàng đã cùng hai người bạn của mình tự vẫn. Nàng Nhị Khanh cả cuộc đời hi sinh vì chồng con nhưng cuối cùng người chồng đã đem vợ gán bạc. Nàng đau đớn thất cổ tự vẫn (“Chuyện nghĩa phụ ở Khoái Châu”). Bản năng sống đã bị thất bại trong cuộc chiến với bản năng chết nên các nhân vật này đã không thể nào duy trì thêm sự sống của bản thân mình.

Cái chết thường là biểu hiện của bản năng chết. Tuy nhiên, trong một số trường hợp, cái chết là biểu hiện của bản năng sống. Trong “Chuyện cây gạo”, Trình Trung Ngô yêu một nàng ma nhưng mọi người ngăn cản, đánh đuổi nàng. Chàng ôm quan tài của nàng mà chết để được ở bên cạnh người yêu mãi mãi. Trong “Chuyện nghiệp oan của Đào Thị”, sau khi Hàn Than chết lúc sinh nở, sư Vô Ki cũng chết để theo nàng... Các nhân vật này tự chấm dứt sự sống để được ở bên cạnh người mình yêu, không còn sự xa cách, không còn bị ngăn cản. Xét đến cùng,

cái chết ở đây là để thỏa mãn nhu cầu yêu và được yêu, là sự thể hiện bản năng sống của con người.

Nhà tâm lí học Sigmund Freud quan niệm vô thức cá nhân chiếm tỉ lệ nhiều nhất trong tâm lí con người. Tác phẩm văn học là sự thể hiện vô thức cá nhân; trong đó có những ước mơ không thực hiện được và bản năng sống, chết. “Truyện kì mạn lục” ra đời trong xã hội cảm đoán khát khe tình yêu, tình dục. Tác phẩm đã nói về những vấn đề bị cấm kỵ một cách vô cùng táo bạo, phóng túng dù còn nhiều mâu thuẫn trong thái độ của tác giả. “Truyện kì mạn lục” cũng thể hiện bản năng sống và chết của con người với nhiều cung bậc khác nhau.

3 KẾT LUẬN

Mặc dù suốt thời gian dài không được coi trọng bằng thơ và các thể văn, thể loại truyện kì ở Việt Nam, Trung Hoa thời trung đại vẫn đạt được những thành tựu đáng ghi nhận. Các tác phẩm truyện ngắn này đã phản ánh cuộc sống rộng rãi bằng bút pháp tinh tế, huyền ảo. Bên cạnh đó, số lượng tác phẩm tương đối nhiều, sự ưa chuộng của đông đảo quần chúng nhân dân đã khẳng định sức sống lâu dài và mãnh liệt của thể loại này. Trung Hoa có các tác phẩm truyện kì nổi trội như “Tiên đăng tân thoại” (Cù Hựu), “Liêu trai chí dị” (Bồ Tùng Linh)... Ở Việt Nam, “Truyện kì mạn lục” (Nguyễn Dữ) là đỉnh cao của thể loại này.

Với sự phát triển mạnh mẽ của phương pháp luận nghiên cứu văn học trong những năm gần đây, chúng tôi muốn chọn một con đường, một phương pháp mới để tiếp cận “Truyện kì mạn lục” – đỉnh cao của truyện kì Việt Nam. Đó là hệ hình tâm lí học văn học với quan niệm của một trong các nhà nghiên cứu tiêu biểu là Sigmund Freud. Freud cho rằng tác phẩm văn học thể hiện vô thức cá nhân, tiêu biểu là ẩn ức tình dục và bản năng sống, chết. Trong “Truyện kì mạn lục”, chúng tôi tìm thấy sự thể hiện ước mơ của con người, đặc biệt là bản năng tình dục. Tác giả miêu tả tình yêu, tình dục rất tự do, táo bạo, phóng túng. Trong khi đó, lễ giáo phong kiến thời trung đại phê phán tình yêu lứa đôi, cấm kỵ việc đề cập vấn đề tình dục. Mặc dù nhà văn còn chịu ảnh hưởng của tư tưởng Nho giáo, nhiều khi phê phán

nhân vật nặng nề nhưng rõ ràng tác phẩm đã thể hiện sự tiến bộ về tư tưởng, nói lên được những ẩn ức bị cấm kỵ suốt một thời gian dài. Bên cạnh đó, tác phẩm này còn thể hiện bản năng sống, bản năng chết của con người vô cùng mạnh mẽ. Con người trung đại thể hiện bản năng sống vô cùng mạnh mẽ. Họ miệt mài học hành, thi cử, tìm kiếm công danh; biện luận sắc sảo; có lòng tự hào, đoàn kết dân tộc sâu sắc nhưng cũng vô cùng khao khát yêu và được yêu. Bản năng chết cũng được thể hiện mạnh mẽ không kém. Nhiều người kiên quyết đi ở ẩn, xa rời cõi tục, diệt dục. Không ít người tự chấm dứt cuộc sống của mình để tự giải thoát, chấm dứt mọi khổ đau. Tuy nhiên, cảm xúc bao trùm vẫn là đề cao trần thế bởi vì các nhân vật sau khi chết thường trở về thăm dương gian, đôi khi còn đi tìm tình yêu tri kỉ.

Dưới lí thuyết của hệ hình tâm lí học văn học, cụ thể là quan niệm của Sigmund Freud, “Truyện kì mạn lục” đã bộc lộ chiều sâu tâm lí của con người trung đại nói riêng, con người nói chung. Nó cũng góp phần lí giải vì sao tác phẩm này nhận được sự đồng cảm lớn lao của độc giả, bất chấp sự ghê lạnh của Nho giáo. Một trong những nguyên nhân đó là tác phẩm đã phản ánh vô thức cá nhân của con người.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Storr, A., 2016. Thái An dịch. Dẫn luận về Freud. Nhà xuất bản Hồng Đức. Hà Nội, 254 trang.
- Freud, S., 2016. Thân Thị Mận dịch. Sáu xa hơn những nguyên tắc không đổi. Nhà xuất bản Tri Thức. Hà Nội. 126 trang.
- Freud, S., 2017. Thân Thị Mận dịch. Cái tôi và cái nó. Nhà xuất bản Tri Thức. Hà Nội. 162 trang.
- Meletinsky, E.M, 2004. Trần Nho Thìn và Song Mộc dịch. Thi pháp của huyền thoại. Nhà xuất bản Đại học quốc gia Hà Nội. Hà Nội, 566 trang.
- Trần Nghĩa, 1997. Tổng tập tiểu thuyết chữ Hán Việt Nam tập 1. Nhà xuất bản thế giới. Hà Nội, 1204 trang.
- Trần Đình Sử, 2005. Thi pháp văn học trung đại Việt Nam. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia. Hà Nội, 374 trang.
- Lê Trí Viễn, 2002. Văn học trung đại Việt Nam. Ban ấn bản trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh. TP. HCM, 346 trang.